

PHU LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu số 2: Mua sắm các mặt hàng Vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, hoá chất, khí y tế không thuộc gói 1 năm 2025-2027 tại Bệnh viện đa khoa Thanh Chương. trong đó mỗi mặt hàng là một phần của gói thầu.

(Ban hành kèm thông báo số: /TB-BVTC ngày / 10/2025 của Bệnh viện đa khoa Thanh Chương)

TT	Mã HH	Tên hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng ước tính	Giá dự toán	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	HC001	Dung dịch sát khuẩn Povidone	Thành phần chính: povidone iodine 10% tương đương với iodine tự do 1%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	Chai ≥500ml	3,000	52,000	156,000,000
2	HC002	Cồn xylen	Dung dịch Xylen. Thành phần ít nhất bao gồm: Xylen, Ethylbenzene.	ml	Chai/lọ ≤ 500ml.	1,000	240	240,000
3	HC004	Acid acetic	Hàm lượng CH3COOH, %≥99.5%.	Chai		10	105,000	1,050,000
4	HC005	Cồn y tế 70 độ	- Hàm lượng Ethanol đạt 70%	Lít	Can ≥20 lít	5,000	36,000	180,000,000
5	HC006	Cồn 90 độ	- Hàm lượng Ethanol đạt 90%	Lít	Can ≥20 lít	2,000	39,500	79,000,000
6	HC007	Cồn y tế 96 độ	- Hàm lượng Ethanol đạt 96%	Lít	Can ≥20 lít	200	42,000	8,400,000
7	HC008	Cồn tuyệt đối 500ml	Hàm lượng Ethanol ≥99,5% Chai 500ml	Chai	Chai 500ml	5	35,000	175,000
8	HC009	Cồn tuyệt đối	- Dùng cho sinh học phân tử - Độ tinh khiết ≥ 99,9% - Được đựng trong chai thủy tinh - Công thức hóa học: C2H5OH - Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol	Chai	Chai ≥500ml	10	55,000	550,000
9	HC010	Dung dịch sát khuẩn Povidone	Sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế(không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiết xúc, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. thành phần,hàm lượng của hoạt chất: 10%w/v povidone iodine tương đương với 1% w/v iodine tự do.	Chai	Chai 500ml	3,000	60,900	182,700,000

10	HC011	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh (thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate; Ethanol; Isopropyl alcohol;	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh chứa cồn dùng cho vệ sinh tay thường quy và ngoại khoa - Thành phần:: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 45% (v/v); Isopropyl alcohol 18% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. Chai ≥500ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001; EN 1500	Chai	Chai ≥500ml).	1,000	75,000	75,000,000
11	HC012	Dung dịch cồn sát khuẩn tay (thành phần chính: Ethanol 80%; Isopropanol 7,2%; Chlorhexidine gluconat 0,5%;	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh chứa cồn dùng cho vệ sinh tay thường quy và ngoại khoa - Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.Chai ≥500ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001; EN 1500	Chai	Chai ≥500ml	1,000	55,000	55,000,000
12	HC013	Dung dịch rửa tay phẫu thuật (thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 4,0 %)	Dung dịch xà phòng rửa tay phẫu thuật - Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001; EN 1500 - Đáp ứng thử nghiệm kích ứng da tại đơn vị đạt tiêu chuẩn GLP.	Can	Can ≥5 lít	200	700,000	140,000,000

13	HC014	Dung dịch sát khuẩn tay (thành phần chính: Chlohexidine Digluconate 2%)	Dung dịch xà phòng rửa tay thường quy: - Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001	Chai	Chai $\geq 500\text{ml}$	1,000	65,000	65,000,000
14	HC015	Dung dịch rửa tay thường quy (thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate 1%)	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%	Can	Can ≥ 5 lít	300	420,000	126,000,000
15	HC016	Cồn tuyệt đối 500ml	Hàm lượng Ethanol $\geq 99,5\%$	Chai	Chai 500ml	30	35,000	1,050,000
16	HC017	Dung dịch Parafin	Dầu parafin Không chứa tạp chất.	Chai	Chai 500ml	30	52,000	1,560,000
17	HC018	Gel bôi trơn	Thành phần chính: nước cất, Propylen, Glycol, Hydroxyl ethyl Cellulose, Glycerin, Sodium Benzoate... Trong suốt, không màu, không mùi. pH: $5 \pm 0,5$ Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Không gây kích ứng da, không chứa dầu và các chất nhờn, không có mùi hôi và không độc hại.	Tuýp		130	56,000	7,280,000
18	HC019	Gel bôi trơn KY	Purified water, Glycerin, Propylene glycol, Aloe Vera extract, Hydroxypropyl methylcellulose, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Disodium ethylenediamin tetraacetate, Ethylhexylglycerin (and) Phenoxyethanol (0.5%). pH: 6,38, Gel có độ tinh khiết cao, tan trong nước, gel trong không màu, không mùi, không bọt khí, không chứa cồn, không chứa chất ăn mòn và không gây kích ứng da.	Tuýp	Tuýp 82g	130	54,000	7,020,000

19	HC021	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiếu <100 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.	Can		900	128,000	115,200,000
20	HC022	Nước cất 2 lần	Yêu cầu: có phiếu kiểm nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn nước cất 2 lần của Dược điển Việt Nam 4.	Lít	Can ≥ 10 lít	50	13,200	660,000
21	HC023	Kẽm oxit	Bột oxit kẽm (zinc oxide) tinh khiết, mịn đồng nhất, sử dụng cùng với Eugenol là vật liệu trám tạm thời (Cement tạm thời loại II để trám lót và phục hồi tạm thời). Xi măng không gây kích ứng và bịt kín xoang trám mà không bị hở .	Lọ		10	125,000	1,250,000
22	HC024	Bột kẽm	Bột kẽm	Hộp		10	125,000	1,250,000
23	HC025	Cloramin B	Hàm lượng: Clorine hoạt tính 25% Clorin Dạng bột màu trắng	Kg		35	138,000	4,830,000
24	HC026	Viên nén khử khuẩn	Viên sỏi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium - Dạng viên sỏi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH 6.2 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên, Đạt tiêu chuẩn GMP	Viên		20,000	4,950	99,000,000
25	HC027	Vôi sô đa	Vôi soda gồm 02 thành phần chính là NaOH và CA(OH)2. Vôi soda ở dạng hạt và được đóng trong can nhựa	Can	Can $\geq 4,5$ Kg	40	480,000	19,200,000
26	HC028	Dung dịch Javen	Công thức phân tử: NaOCl Trạng thái: dạng lỏng Nồng độ: 12-15%	Lít		600	14,600	8,760,000

27	HC029	Iod tinh thể	là chất rắn có màu tím thâm/xám có thể thăng hoa tại nhiệt độ thường.	Lọ	Lọ $\geq 250\text{g}$	10	950,000	9,500,000
28	HC030	Kali Iodua	Kali Iodua	Lọ	Chai 500g	10	248,500	2,485,000
29	HC031	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi dùng cho kính hiển vi.	Chai	Chai 500ml	2	1,750,000	3,500,000
30	HC032	Đường Glucose	Glucose dạng bột	Gói		3,000	22,000	66,000,000
31	KYT001	Oxy lỏng	Oxy dạng lỏng có nhiệt độ âm sâu, được chứa trong bồn chứa chuyên dụng. Nồng độ Oxy $\geq 99,6\%$. Không có khí CO, CO ₂ , các chất oxy hoá.	Kg		150,000	4,995	749,250,000
32	KYT002	Oxy y tế 10L	O ₂ nồng độ $\geq 99,5\%$. Áp suất nạp ≥ 150 bar, Áp suất thường ≥ 130 bar;	Bình	10 Lít/ Bình	100	34,000	3,400,000
33	KYT003	Oxy y tế 40L	Chứa trong bình chịu áp lực dung tích 40 lít áp suất nạp ≥ 130 kg/cm ² ;	Bình	40 Lít/ Bình	500	50,000	25,000,000
34	KYT004	CO ₂ y tế	CO ₂ nồng độ $\geq 99,9\%$ Chứa trong Bình dung tích 40L, có dán nhãn, khối lượng khí trong bình là 25kg (+/-5%)	Bình	40 Lít/ Bình	50	200,000	10,000,000
35	TBYT001	Băng dính lụa 5cmx5m	Băng băng vải lụa Taffeta phủ keo, màu trắng. 100% sợi cellulose acetat. Keo oxide kẽm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Kích thước 5cm x 5m. Tiêu chuẩn CE, được lưu hành tại 2 nước: Úc và Bungari. Xuất xứ Đông Nam Á	Cuộn		6,000	46,000	276,000,000
36	TBYT002	Băng dính lụa Oxyd kẽm 5cm x 5m	Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Keo an toàn không gây dị ứng. Lõi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. Băng: Vải lụa Taffeta màu trắng, 100% sợi cellulose acetate, mềm mại với độ bền kéo mạnh, dễ xé ngang dọc, trọng lượng 80-90g/m ² . Độ phủ keo 50- 60g/m ² , số sợi 44x18/cm, lực dính 1.8 – 5.5 N/cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, EN ISO 13485 : 2016. Xuất xứ Đông Nam Á	Cuộn		3,000	23,500	70,500,000

37	TBYT003	Chất nhầy phẫu thuật nhãn khoa	Thành phần Hypromellose Ophthalmic Solution 2,0% W/v, + Độ tập trung: 20mg/ml (2%), + Trọng lượng phân tử: 86 000 daltons, + Độ nhớt @27 độ C: 3000-4500cps, + Độ thẩm thấu: 250-350 mOsm / kg, + PH: 6,0-7,8 + Đóng gói: 2ml đóng gói trong túi đã tiệt trùng	Hộp		300	75,000	22,500,000
38	TBYT004	Chỉ Chromic Catgut các số	Kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 15cm. Chỉ được cấu tạo từ muối chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò hoặc chất nhầy của ruột cừu. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày.	Sợi		300	35,000	10,500,000
39	TBYT005	Dụng dịch ngâm khử khuẩn và tiệt khuẩn lạnh dụng cụ (thành phần chính: Glutaraldehyde 2%)	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111, EN 17126 Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử). Tiêu chuẩn CE, CFS Châu Âu	Can		150	480,000	72,000,000
40	TBYT006	Filer lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Chất liệu: nhựa y tế. Đường kính trong đầu nối với máy $\geq 30\text{mm}$ và $\leq 30,5\text{mm}$; hoặc đường kính ngoài đầu nối với máy $\geq 26\text{mm}$ và $\leq 27\text{mm}$. Đầu ngâm hình elip. Hiệu suất lọc $\geq 99,9\%$. Khoảng chết $\leq 55\text{ml}$. Đã tiệt trùng.	Cái		500	25,000	12,500,000

41	TBYT008	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút không cánh, không cổng bơm thuốc	- Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim đóng gói dạng bút. - Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim không cánh không cổng bơm thuốc bổ xung. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - ISO 13485:2016;CE (MDR -TUV), FDA - 16G; Ø (1,8 x 45) mm; Flow/ Rate 200ml/ min. - 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min. - 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min. - 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min.	Cái		15,000	8,000	120,000,000
42	TBYT009	Que tăm bông vô trùng trong ống nghiệm (lấy bệnh phẩm vi sinh)	Tăm bông y tế Ø15mm -TT: Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton. Quy cách: Dài 15cm, một đầu que quần gòn phi 15mm Đóng gói: 5 que/gói nhỏ, 20 gói nhỏ/gói Tiệt trùng bằng khí EO Gas (Đối với các thông số cố định sai số cho phép $\pm 3\%$) Tăm bông bệnh phẩm vô trùng: Tăm bông vô trùng dùng để lấy các mẫu bệnh phẩm cán gỗ; Kích thước: 12*175mm; hộp đựng que chất liệu nhựa PP (Polypropylene); Vô trùng bằng Ethylen Oxit	Cái		5,000	1,495	7,475,000

43	TBYT010	Thủy tinh thể mềm, một mảnh, 2 còng, đơn tiêu, không lắp sẵn	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh. 2. Chất liệu đồng nhất Acrylic hydrophobic. 3. Màu vàng hoặc không màu. 4. Lọc tia cực tím (tia UV), ánh sáng tím. 5. Thiết kế phi cầu. 6. 2 còng 7. Đường kính optic $\leq 6,0$ mm, đường kính tổng $\leq 13,0$ mm 8. Chỉ số khúc xạ $\leq 1,49$. 9. Kích thước vết mổ $\leq 2,8$ mm. 10. Kính được cung cấp kèm dụng cụ đặt kính. 11. Công suất từ ≤ -10.0 D đến $\geq +40.0$ D. 12. Xuất xứ: EU, Mỹ, Canada. 13. Có ≥ 1 FSC. 14. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tiêu chuẩn của các nước G7.	Cái		300	2,750,000	825,000,000
44	TBYT011	Thủy tinh thể acrylic đơn tiêu, mềm, một mảnh, chiều dài: 13mm, còng chữ C, góc còng 0 độ	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, quang sai trung tính 2. Chất liệu: Copolymers Hydrophilic Acrylic, ngâm nước 25% 3. Có tính năng lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh 4. Thiết kế một mảnh, phi cầu, bờ vuông 360 độ, 2 còng kép chữ C 5. Đường kính quang học (Optic): 6.0mm, tổng chiều dài kính 13.0mm 6. Chỉ số khúc xạ: 1.46, hằng số A: 118.9 7. Dải công suất: Từ -10D đến +45D 8. Kèm Cartridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể 9. Đặt qua vết mổ 1.8mm-2.2mm	Cái		300	2,800,000	840,000,000
45	TBYT012	Đinh Kirschner 2.0 mm	Đinh Kirschner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đinh có đường kính 2.0 mm. Chiều dài đinh với các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái		240	50,000	12,000,000

46	TBYT013	Đinh Kirs chner các cỡ	Các cỡ từ 1.0; 1.2;1.4; 1.5;1.6;1.8;2.0;2.2;2.4;2.5;2.8;3.0 mm) - đường kính từ 1.0mm đến 3.0mm; hai đầu nhọn - chiều dài khoảng 290mm; - Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương	Cái		480	100,000	48,000,000
47	TBYT014	Vít xương cứng 3,5mm size 26mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít 26 mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	Cái		1,200	405,000	486,000,000
48	TBYT015	Vít xương cứng 3,5mm size 28mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít 28 mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	Cái		1,200	405,000	486,000,000
49	TBYT016	Vít xương cứng 3,5mm size 30mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít 30 mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	Cái		600	405,000	243,000,000
50	TBYT017	Vít xương cứng 3,5mm size 32mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít 32 mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	Cái		600	405,000	243,000,000

51	TBYT018	Vít xương cứng 3.5 các cỡ	Đường kính mũ vít 6mm, đường kính lõi vít 2.4mm, đường kính ren 3.5mm, khoảng cách cánh ren 1.25mm, chiều dài từ 14 đến 50mm. Chất liệu thép không gỉ y tế 316L. Tiêu chuẩn EC93/42/EEC ; ISO13485:2016; FDA	Cái		7,200	130,000	936,000,000
52	TBYT019	Nẹp lòng máng 8 lỗ	Nẹp khóa lòng máng 1/3 dùng vít 3.5mm, chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày $\geq 1.8\text{mm}$, độ rộng 10mm. - Số lỗ từ 2 đến 12 lỗ, tương ứng với độ dài 28-148 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường - Dùng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm	Cái		480	3,667,000	1,760,160,000
53	TBYT020	Nẹp lòng máng các cỡ	Nẹp dày 1.1mm, chiều rộng nẹp 9mm, khoảng cách các lỗ bắt vít là 12mm, khoảng cách lỗ giữa 16mm, chiều dài nẹp từ 61 đến 145mm, thân nẹp có dạng cong ống máng. Chất liệu thép không gỉ y tế 316L. Tiêu chuẩn EC93/42/EEC ; ISO13485:2016; FDA	Cái		720	410,000	295,200,000
54	TBYT021	Nẹp bản nhỏ dùng cho vít 3.5	Vật liệu Titanium. Thân nẹp thẳng, hai đầu nẹp thuôn gọn có lỗ nhỏ ghim kim xương kirschner. Thân nẹp có lỗ kết hợp tích hợp lỗ khóa có ren và lỗ trượt nén. Các lỗ nẹp được thiết kế thẳng hàng. Nén ép áp lực thấp (Low-Touch). Nẹp có từ 6 đến 12 lỗ kết hợp, tương ứng với chiều dài từ 85mm đến 163mm. Sử dụng vít khóa titanium đk 3.5 đồng bộ hoá tiêu chuẩn sản xuất với nẹp. Tiêu chuẩn EC93/42/EEC ; ISO13485:2016; FDA	Cái		50	2,380,000	119,000,000
55	TBYT022	Nẹp bản nhỏ dùng cho vít 3.5	+ Chất liệu: Titanium hoặc Thép không gỉ + Dùng vít 3.5	Cái		50	380,000	19,000,000
56	TBYT023	Nẹp bản nhỏ dùng cho vít 4.5	+ Chất liệu: Titanium hoặc Thép không gỉ + Dùng vít 4.5 TCCL: ISO 13485 và CE	Cái		50	420,000	21,000,000

57	TBYT024	Nẹp bản nhỏ tăng áp các loại	+ Chất liệu: Thép không gỉ + Dừng vít 3.5- 4.0mm + Nẹp rộng 10mm, dày 3mm, dài từ 73-121mm. TCCL: ISO 13485 và CE	Cái		100	325,000	32,500,000
58	TBYT025	Nẹp bản vừa dùng cho vít 4.5mm	+ Chất liệu: Titanium hoặc Thép không gỉ + Dừng vít 4.5 TCCL: ISO 13485 và CE	Cái		50	440,000	22,000,000
59	TBYT026	Nẹp bản hẹp tăng áp các loại	+ Chất liệu: Thép không gỉ + Dừng vít 4.5- 6.5mm + Nẹp rộng 11.5mm, dày 4mm, dài từ 103-231mm. TCCL: ISO 13485 và CE	Cái		100	420,000	42,000,000
60	TBYT027	Rọ gấp dị vật	Rọ lấy sỏi dùng một lần hình dạng rọ: oval, xoắn, góc; đường kính ngoài vỏ: 2.4 mm, 1.8 mm; Chiều dài làm việc: ít nhất có các cỡ 1800mm; độ rộng rọ: 10 mm, 20 mm, 30mm.	Cái		100	2,000,000	200,000,000
61	TBYT028	Dây garo	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rất, đau trong quá trình sử dụng.	Cái		3,050	3,200	9,760,000
62	TBYT029	Dây ga rô vải dính	Chất liệu: Sợi Polyester và sợi cao su. Dài ≥ 30 cm, khóa velcro (băng nhám dính)	Cái		3,000	2,900	8,700,000
63	TBYT030	Cốc mẫu (Sample cup2.5ml)	Thể tích ≥ 180 ml, chia độ nhỏ nhất ≤ 10 ml - Cốc có nắp đậy kèm theo - Cốc lấy mẫu đựng nước tiểu	Cái		10,000	336	3,360,000
64	TBYT033	Miếng cầm máu mũi 8x1,5x2cm	Kích thước: 8cm x 1.5cm x 2cm Đạt chứng chỉ chất lượng CE, FDA Có thể sử dụng cho tất cả đối tượng bệnh nhân kể cả Bệnh nhân Nhi	Cái		100	51,600	5,160,000

65	TBYT035	Ống thông khí màng nhĩ	Đường kính 0,76 mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu trắng Đạt chứng chỉ chất lượng: CE	Cái		20	220,000	4,400,000
66	TBYT036	Xốp cầm máu (Gelaspon)	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, kích thước 70x50x110mm. Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần. Tiêu chuẩn CE	Cái		50	75,000	3,750,000
67	TBYT037	Tay dao plasma dùng cho cắt amidal	Đầu tay cắt cong góc 30°, đường kính 4,6 mm, chiều dài 130 mm - Có kênh tưới rửa và hút nước muối - Đầu cắt có 3 điện cực, với 2 điện cực phía đầu ngoài mặt cắt và điện cực thứ 3 được tích hợp bên trong ống hút - Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới rửa và hút - Khi hoạt động thiết bị thông minh này sẽ nhận biết được các mô mềm, khi đó có sự tăng giảm tốc độ cắt - Tiêu chuẩn ISO 13485	cái		25	5,200,000	130,000,000
68	TBYT038	Tay dao plasma dùng cho nạo VA	- Đầu tay cắt cong góc 45°, đường kính 5 mm, chiều dài 130 mm - Có kênh tưới rửa và hút nước muối - Đầu cắt có 3 điện cực, với 2 điện cực phía đầu ngoài mặt cắt và điện cực thứ 3 được tích hợp bên trong ống hút - Có 5 công năng: hóa hơi, cắt, cầm máu, tưới rửa và hút - Độ sâu của mỗi điểm hóa hơi khoảng 3mm. - Khi hoạt động thiết bị thông minh này sẽ nhận biết được các mô mềm, khi đó có sự tăng giảm tốc độ cắt - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái		25	5,200,000	130,000,000

69	TBYT039	Đèn hồng ngoại	1 . Yêu cầu chung Sản xuất năm: 2024 trở về sau, mới 100% Điện áp làm việc: AC 220V, 50Hz (± 10%) - Nhà sản xuất máy chính đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hoặc ISO 13485.Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: ≥30°C; + Độ ẩm tối đa: ≥70% 2. Yêu cầu về cấu hình Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái Cáp nguồn: 01 cái Chân đèn có bánh xe: 01 cái Bóng đèn hồng ngoại: ≥ 01 bóng Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: ≥ 01 bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật Công suất tiêu thụ: ≥ 250W Thời gian điều trị: từ 0 đến ≥ 60 phút Giá đỡ có thể di chuyển Kích thước: Chiều cao tối đa ≥ 1600mm; Chiều rộng: ≥ 500mm	Cái		15	950,000	14,250,000
70	TBYT040	Dây giắc máy điện châm	Sử dụng tương thích cho máy châm cứu KWD-808I . Giắc cắm vào máy là giắc vuông/ giắc tròn	Cái		30	40,000	1,200,000
71	TBYT041	Dây giắc máy điện châm	Sử dụng tương thích cho máy châm cứu SDZ-II . Giắc cắm vào máy là giắc vuông/ giắc tròn	Cái		20	40,000	800,000

72	TBYT042	Máy đo đường huyết	Khoảng đo: 10 mg/dL – 600 mg/dL (0,6 mmol/L – 33,3 mmol/L) Lượng máu sử dụng : 0,6µL Thời gian đo: Khoảng ≤ 4 giây Tự động tắt 90 giây hoặc 15 giây sau khi tháo que thử. Màn hình LCD. Dung lượng bộ nhớ: ≥720 kết quả Kích thước : 77,1mm x 48.6mm x 15,3mm(dài , rộng, cao) Trọng lượng : khoảng 43g (bao gồm pin trong máy) Giao diện: USB Cổng kết nối micro- B, Bluetooth Tiêu chuẩn: Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 15197: 2013, FSC. Quy cách: bao gồm 01 máy đo, 01 bút lấy máu, tối thiểu 10 kim lấy máu	Bộ		3	800,000	2,400,000
73	TBYT043	Bóng đèn đặt nội khí quản	Bóng đèn 2.7V - led (Krypton) 2.5V đặt nội khí quản dùng cho bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi/ 4 lưỡi/ 5 lưỡi Thông số kỹ thuật: - Điện áp : 2.7 V - Đường kính: 0.5 cm - Chiều dài : 2 cm - Tuổi thọ: 50 giờ - Nhiệt độ màu: 2685K	Cái		20	47,775	955,500
74	TBYT044	Giá đỡ ống nghiệm nước tiểu 3 hàng có lỗ	Chất liệu: inox 304 cao cấp, dày dặn, không lo han gỉ Giá đỡ ống nghiệm Ø15mm x 33 ống Kích thước: 28,5cmx8cmx cao 6cm	Cái		15	77,700	1,165,500
75	TBYT045	Hộp bông cotton Inox	Hộp đựng bông gòn y tế inox Có nắp tháo rời được Nắp đáy chắc chắn, bền, đẹp Chất liệu: inox 304 cao cấp, dày dặn, không lo han gỉ Kích thước: đường kính ≥ 8 cm	Cái		20	50,000	1,000,000

76	TBYT046	Hộp hấp dụng cụ Inox	Hộp hấp bằng inox 304 cao cấp hình tròn Hộp hấp sấy bông có nắp đậy với khóa gắn liền Được trang trí quai xách tiện lợi cho việc di chuyển Có khay trượt để mở lỗ thoát xung quanh thành hộp, đảm bảo thoát khí cho dụng cụ/ bông gạc sau hấp sấy. Kích thước đường kính ≥ 30 cm, cao ≥ 15 cm	Cái		5	729,300	3,646,500
77	TBYT047	Khay Inox chữ nhật	Kích thước 40cm x 25 cm. Chất liệu Inox, không gỉ, sét. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái		7	61,380	429,660
78	TBYT048	Khay quả đậu dẹt	Khay hình quả đậu cạn Chất liệu: làm bằng inox 304 bóng sáng, không rỉ sét. Inox dày, chắc chắn, lòng cạn. Kích thước của khay đậu: 20cm*13cm*2.5cm	Cái		70	57,200	4,004,000
79	TBYT049	Tem decal nhiệt (25mm x 15mm x4n/1 hàng x 50m)	25mm x 15mm x4n/1 hàng x 50m	Cuộn		35	275,000	9,625,000
80	TBYT050	Lọ cắm panh, kéo	Trụ cắm panh inox là hàng Việt Nam chất lượng cao, được làm từ chất liệu inox cao cấp không han gỉ	Cái		59	64,350	3,796,650
81	TBYT051	Bao đo huyết áp người lớn máy Monitor	Bao đo huyết áp máy monitor hãng nihon kohden, Bionet... sử dụng nhiều lần, loại 1 ống khí dài 35cm, vòng bít 25cm*35cm	Cái		50	330,000	16,500,000
82	TBYT052	Bao đo huyết áp trẻ em máy Monitor	Bao đo huyết áp máy monitor hãng nihon kohden, Bionet... Dùng cho trẻ em Loại 1 ống khí dài 35cm, vòng bít 18cm*26cm	Cái		20	330,000	6,600,000
83	TBYT053	Thông nòng ống nội khí quản các cỡ	Ống thông đặt nội khí quản số 10F Được sử dụng để hỗ trợ đặt nội khí quản Kích thước: Ø3.3x34.5mm Chất liệu lõi nhôm, dễ điều chỉnh uốn gập Bọc nhựa mềm, trơn dễ luồn	Cái		10	63,000	630,000

84	TBYT054	Khóa ba ngã có dây dẫn	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh	Cái		50	5,600	280,000
85	TBYT055	Đầu nối ba chạc nội khí quản	Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh	Cái		2,000	3,940	7,880,000
86	TBYT056	Bộ dụng cụ cắt trĩ và sa trực tràng dùng trong kỹ thuật Longo	Dụng cụ cắt trĩ chất liệu ghim titanium đường kính tròn 33mm. Đe tháo rời, thân đe dài có 3 vị trí buộc chỉ tùy thuộc kích thước búi trĩ. Kích thước ghim: chiều rộng lưng ghim 4.0mm, chiều cao ghim mở 3.5mm, chiều cao ghim dập xuống là 1.5mm. Thân ghim hình hộp chữ nhật kích thước: 0.3mm x 0.2mm. Đường kính lưỡi dao 24.6mm. Dụng cụ chứa 32 ghim. Tiêu chuẩn ISO và CE. Chứng nhận CFS và CFG (do FDA cấp).	Cái		50	9,500,000	475,000,000
87	TBYT057	Đầu kim phaco cong (đầu phaco tuýp) của máy phaco megatron S4	Đầu kim Phaco - Loe. Sản phẩm tương thích sử dụng cho máy Phaco Megatron S4 HPS. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái		5	25,000,000	125,000,000

88	TBYT059	Micro centrifuge tube	Tube được làm trong suốt, dễ dàng quan sát và ghi chú trên nắp. Dải thể tích 0.5 mL, 1.5ml, 1.7 mL và 2.0 mL. Được làm từ nhựa polypropylene, được chứng nhận hoàn toàn không chứa kim loại nặng bởi Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ, ISO 9001 và ISO 13485. Hoạt động ở nhiệt từ -80°C đến +121°C. Có vạch chia thể tích trên thân tube ly tâm, dễ dàng mở nắp bằng một tay. Tube được thiết kế bám dính thấp, khả năng thu hồi mẫu cao. Tương thích với nhiều adaptor của máy ly tâm tiêu chuẩn, công suất cao, chịu được lực ly tâm lên đến 20000g. Không chứa độc tố và trợ về mặt sinh học. Có các tùy chọn cho ống màu trong suốt thông thường, ống màu sắc để dễ dàng phân loại và đặc biệt có màu hổ phách cho thuốc thử nhạy cảm với ánh sáng.	Cái		6,000	168	1,008,000
89	TBYT060	Nhiệt kế , ẩm kế (phòng)	Thông tin chia vạch: 2°C (Nhiệt độ), 5% (Độ ẩm); Khoảng đo: -20°C đến 40°C (Nhiệt độ), 10-90% (Độ ẩm); Kích thước 182 x 32mm (±2mm)	Cái		10	280,000	2,800,000
90	TBYT061	Nhiệt kế tủ lạnh	Khoảng đo: -30 độ C đến 40 độ C; Độ chính xác: ± 2 độ C (trong khoảng đo 0 độ C) ± 3 độ C (dưới 1 độ C); Khoảng chia: 1 độ C; Nhiệt độ bảo quản: -30 độ C đến 60 độ C; Kích thước: 20mm x 90mm x 10mm ((±2mm)	Cái		10	77,000	770,000
91	TBYT062	Ghế xoay Inox	Chất liệu: Inox 304 Chiều cao ghế (điều chỉnh được): 540 - 660 mm Mặt ghế inox φ 32.0 dày 1.2 mm đúc liền 04 chân inox φ 19.1 x 1.0 mm	Cái		15	825,000	12,375,000
92	TBYT063	Mỏ vệt	Chất liệu Inox, không gỉ, sét. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.	Cái		30	65,520	1,965,600

93	TBYT064	Xe lăn	YÊU CẦU CHUNG - Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau - Sản xuất theo Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 CẤU HÌNH - Bánh xe: 01 bộ (Bánh trước: 02 cái, bánh sau: 02 cái) - Bàn đỡ chân: 01 bộ - Phan xe: 1 bộ TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Xe có thể gấp gọn - Khung xe thép hoặc Inox - Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao) $\geq 900 \times 600 \times 800$ mm - Bánh xe cao su đặc - Trọng tải tối đa: ≥ 90 kg	Cái		5	1,600,000	8,000,000
94	TBYT065	Đèn gù	Đèn gù được thiết kế có kết cấu an toàn, chắc chắn, đèn gù dùng để khám bệnh, chiều cao đèn 1,7 mét, dây dẫn điện 2m8 - 3m, vỏ đèn, thân đèn làm bằng inox, cổ định vị xoay linh động đến gần 360 độ, khoảng rộng 30cm + 30cm, công suất bóng 40W- 250w Max, đuôi đèn ceramic E27 sử dụng nhiều loại bóng đèn, choá đèn bằng nhôm , chân đế gang .	Cái		3	950,000	2,850,000
95	TBYT066	Kéo cắt chỉ cỡ 15 cm	Kéo cắt chỉ cong thẳng dài ≥ 14 cm Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương	Cái		10	23,205	232,050
96	TBYT067	Tấm điện cực trung tính dùng cho dao mổ điện Coviden	Tấm điện cực trung tính dùng cho dao mổ điện Coviden	Cái		100	84,000	8,400,000
97	TBYT068	Dây nối tấm điện cực trung tính	dùng tương thích với dao mổ điện Coviden Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần, chất liệu PolyHesive, không dây (sử dụng kèm với dây nối sử dụng nhiều lần)	Cái		5	1,255,000	6,275,000
98	TBYT069	Dây dẫn chặn sỏi	- Kích thước 0.035". Dài 170 cm - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485	Cái		6	3,000,000	18,000,000
99	TBYT070	Rọ bắt sỏi 3.0 (làm tán sỏi nội soi ngược dòng)	Chất liệu: Nitinol (hoặc tương đương), loại 4 dây Kích cỡ: ≤ 3.0 Fr; Chiều dài: ≤ 120 cm; Đường kính mở của rọ ≤ 15 mm	Cái		10	3,450,000	34,500,000

100	TBYT071	Bộ đặt nội khí quản người lớn	Các tính năng kỹ thuật: - Bóng đèn được thiết kế dễ dàng tháo lắp ở đầu lưỡi. - Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 134oC trong vòng 5 phút. - Lưỡi được thiết kế tối tân dễ dàng đặt ống nội khí quản và quan sát tốt. Cấu hình 01 bộ bao gồm: - 01 Lưỡi thẳng số 0: 80mm - 01 Lưỡi cong số 1: 95mm - 01 Lưỡi cong số 2: 115mm - 01 Lưỡi cong số 3: 135mm - 01 Lưỡi cong số 4: 150mm - 01 Cán pin trung 30x135mm - 01 Hộp đựng 23x17x5cm - 02 Pin trung C	Cái		6	4,095,000	24,570,000
101	TBYT072	Bộ đặt nội khí quản trẻ em	Cán pin loại tiêu. - Lưỡi cong Macintosh 0. - Lưỡi cong Macintosh 1. - Lưỡi cong Macintosh 2.	Cái		2	859,950	1,719,900
102	TBYT073	Ống nghe	01 bộ phận mặt nghe được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt - 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC	Cái		20	273,000	5,460,000
103	TBYT074	Bông y tế	Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Phiếu phân tích đáp ứng các tiêu chuẩn của ĐDVN 5 : Tro sulfate : ≤0,4%, chất tan trong Ether ≤0,5%, mất khối lượng do sấy khô : ≤8%, Khả năng thấm hút : ≥100,0g .	Kg	1kg/cuộn.	1,500	136,000	204,000,000
104	TBYT075	Bông y tế	100% bông xơ thiên nhiên hoặc tương đương, thành phần chính là Cellulose. Đạt các tiêu chuẩn theo ĐDVN V, ISO 13485	Kg		1,500	136,000	204,000,000

105	TBYT076	Que tăm bông lấy dịch ty hầu	Chất liệu cán bằng nhựa PP, đầu bông nylon flocked. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng không có DNase/ RNase, không chứa chất ức chế với phản ứng PCR, nội độc tố và chất ức chế tế bào	Cái		120,000	690	82,800,000
106	TBYT077	Băng bột bó loại 10cm x 2.7m	- Mô tả: Kích thước 10cm x 2.7m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm. Khả năng thấm nước, đông kết. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút.	Cuộn		2,800	14,800	41,440,000
107	TBYT078	Bột bó 10cm x 2,7m	Kích thước 10cmx2,7m, Bột liền gạc, lõi nhựa, vỏ là giấy bạc chống ẩm.	Cuộn		2,800	14,800	41,440,000
108	TBYT079	Băng bột bó loại 15cm x 2.7m	- Mô tả: Kích thước 15cm x 2.7m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm. Khả năng thấm nước, đông kết. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút.	Cuộn		1,500	18,500	27,750,000
109	TBYT080	Bột bó 15cm x 2,7 m	Kích thước 15cmx2,7m, Bột liền gạc, lõi nhựa, vỏ là giấy bạc chống ẩm	Cuộn		1,500	18,500	27,750,000
110	TBYT081	Băng cuộn vải y tế 10cm x 5m	Chất liệu sợi cotton. Kích thước: 10cm x 5m.	Cuộn		20,000	2,600	52,000,000
111	TBYT082	Băng cuộn vải	Chất liệu sợi cotton hoặc tương đương. Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 5\text{m}$.	Cuộn		20,000	2,600	52,000,000
112	TBYT083	Băng dính cá nhân 1,9 cm x 7,2 cm	Thành phần: gồm lớp nền đàn hồi, thoáng khí, kháng nước nhẹ; lớp keo y tế không gây dị ứng, lớp gạc vô trùng có màng chống dính. Kích thước 19x72mm hoặc tương đương, bám tốt nhưng dễ bóc, không để lại cặn. Không chứa latex, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Đóng gói vô trùng. hạn sử dụng > 2 năm.	Miếng		100,000	265	26,500,000
113	TBYT084	Băng dính cá nhân 1,9x7,2mm	Thành phần: làm từ chất liệu plastic hoặc tương đương, có gạc thấm hút ở giữa, được phủ lớp chống dính Sản phẩm được tiệt trùng từng cái	Miếng		200,000	265	53,000,000

114	TBYT085	Băng dính cá nhân 2cm x 6cm	Kích thước chiều dài băng $60 \pm 1.5\text{cm}$, chiều rộng $20 \pm 1.5\text{cm}$. Băng dính cá nhân bằng vải, phủ keo oxied kẽm có gạc thấm hút màu trắng ở giữa, gạc có phủ lớp chống dính	Miếng		100,000	900	90,000,000
115	TBYT086	Băng dính lụa phủ keo 5cm x 5m	Băng bằng vải lụa Taffeta phủ keo, màu trắng. 100% sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Keo oxide kẽm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Kích thước 5cm x 5m.	Cuộn		3,000	32,000	96,000,000
116	TBYT087	Gạc dệt hút y tế	Gạc dệt (100% cotton) màu trắng, không bụi bẩn; khổ rộng 0,8m; Tốc độ hút nước $\leq 5\text{s}$; Độ acid bazơ: trung tính; Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$; Độ ẩm: $\leq 8\%$; ;	Mét		100,000	4,500	450,000,000
117	TBYT088	Gạc hút y tế	Thành phần: gạc hút nước 100% cotton. ISO 13485	Mét		100,000	4,500	450,000,000
118	TBYT089	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp	Yêu cầu: Kích thước 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp; Gạc dệt (100% cotton) hoặc gạc không dệt (70% viscose và 30% polyester), màu trắng, không bụi bẩn; Tốc độ hút nước $\leq 5\text{s}$; Độ acid bazơ: trung tính; Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$; Độ ẩm: $\leq 8\%$; Sản phẩm tiệt trùng	Cái		15,000	420	6,300,000
119	TBYT090	Gạc 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp	Chất liệu: 100 % cotton. Kích thước 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp. Độ acid và độ kiềm: đạt trung tính. Tiệt trùng.	Cái		10,000	420	4,200,000
120	TBYT091	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp	Chất liệu: 100 % cotton. Kích thước: chiều rộng $\geq 3,5\text{cm}$; chiều dài $\geq 75\text{cm}$; dày ≥ 6 lớp. Đã tiệt trùng	Cái		5,000	1,650	8250000
121	TBYT092	Miếng dán mi 6x7 cm	Bao bì plastic riêng từng miếng băng. * Lớp film Polyurethane trong suốt: + Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính 27nm hoặc lớn hơn (HIV-1 và HBV). * Nền keo Acrylate, hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. * Khung viền giấy * Nhãn ghi chú ngày giờ dán băng	Miếng		600	6,000	3600000

122	TBYT093	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml. Pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Cái		1,000	6,500	6500000
123	TBYT094	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẫn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV); ISO 9001:2015, EN ISO 11135: 2014	Cái		1,000	2,645	2645000
124	TBYT095	Bơm tiêm 1ml	Xy lanh 1ml.Nhựa y tế nguyên sinh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng .	Cái		35,000	1,500	52500000

125	TBYT096	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO lớn hơn 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,	Cái		30,000	480	14400000
126	TBYT097	Bơm tiêm 5ml	- Xy lanh 5ml. Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR)	Cái		650,000	750	487500000

127	TBYT098	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gầy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái		650,000	500	325000000
128	TBYT099	Bơm tiêm 10ml	- Xy lanh 10ml. Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gầy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, '- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR)	Cái		700,000	1,200	840000000

129	TBYT100	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ml - Pít tông có khía bề gầy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR)	Cái		700,000	700	490000000
130	TBYT101	Bơm tiêm 20ml	- Xy lanh 20ml. Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gầy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR) - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR)	Cái		40,000	1,200	48000000

131	TBYT102	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO lớn hơn 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái		40,000	1,200	48000000
132	TBYT103	Bơm kim tiêm 50ml	- Xy lanh : 50ml Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bề gãy để hủy. Đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng,	Cái		1,500	2,650	3975000

133	TBYT104	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO lớn hơn 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái		1,500	2,650	3975000
134	TBYT105	Bơm tiêm Insulin, kim: 30Gx5/16'	- Không độc hại, không gây sốt, tiệt trùng , sử dụng một lần. - Cỡ kim: 30Gx5/16", làm từ thép y tế không rỉ (AISI 304). - Gồm 2 thiết kế: 40U và 100U - Chiều dài kim: 8mm (± 1.25mm), sức chứa giả định: 1ml$\pm 5\%$. Không gian chết: ≤ 0.01ml - Chất liệu: + Thân, nắp bơm: Polypropylene. + Pit-tông: chất đàn hồi nhựa dẻo (Elastomer). - Đóng gói: Túi giấy cấp y tế với màng nhựa tiêu chuẩn	Cái		100,000	1,150	115000000

135	TBYT106	Que thử đường huyết	100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ± 10 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ < 100 mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 99,3% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 10\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ ≥ 100 mg/dL hoặc 5.55 mmol/L Đo được các loại máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh Phạm vi đo: 0,6-33,3 mmol/L Giới hạn Hematocrit: 10%-65% Sử dụng men thử GDH-FAD Không bị ảnh hưởng bởi oxy, các loại đường khác (maltose, galactose) Thời gian đo: ≤ 4 giây. Mẫu máu đo: $\leq 0,6\mu\text{L}$ Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu; Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 15197:2013, Độ chính xác đạt 99% so với phòng xét nghiệm. Xuất xứ: G7	Test	15,000	5,200	78000000
136	TBYT107	Bơm tiêm Insulin 1ml, kim 29G	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml. Kim 29G. Kim có thành mỏng, mặt kim cắt vát 3 mặt, bề mặt kim phủ Silicon đánh bóng điện tử, bôi trơn theo công nghệ tạo hạt tích điện, tạo độ trơn.	Cái	100,000	1,151	115100000
137	TBYT108	Bơm tiêm Insulin (100IU, kim các cỡ)	Bơm tiêm insulin các cỡ 0,3; 0,5; 1ml loại 100UI. Kim vát 3 mặt, công nghệ thành mỏng Đường kính nhỏ 31G, đầu kim phủ silicone Chiều dài kim ngắn: 6mm Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA mỹ và CE châu Âu Xuất xứ G7	Cái	200,000	900	180000000
138	TBYT109	Kim cánh bướm	Kim kích thước 23G, 25G. Có đầu vít dễ nối với dây truyền dịch. - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	200000	1,250	250000000

139	TBYT110	Kim cánh bướm	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài 30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015, CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái		100000	1,100	110000000
140	TBYT111	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim các cỡ	Đế kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 18Gx1 1/2" , 25Gx1", 23Gx1",25Gx5/8", 26Gx1/2" được phân biệt bằng các màu. Sản phẩm đóng gói dạng ép vì đảm bảo vô trùng, tiệt trùng, không độc tố, không chất gây sốt.	Cái		250,000	615	153750000
141	TBYT112	Kim tiêm	Kim các số G18, G20, G23, Vĩ dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Cái		150,000	190	28500000
142	TBYT113	Bộ gây tê ngoài màng cứng	"- Kim đầu cong Tuohy 18G x 8cm OD 1.3mm, ID 1.0mm có cánh lớn (1.4cm x 4cm) có thể tháo rời, thân có vạch chia. - Catheter PEBA (Polyether Block Amide), OD 0.9mm x L 915mm, có vạch đánh dấu chiều dài, mặt bên có 3 lỗ bơm thuốc - Đầu nối dạng phẳng, chốt đóng mở nằm bên trong đầu nối, giảm nguy cơ rò rỉ - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR 10ml, không latex - Lọc 0.2µm, sử dụng 96 giờ - Co nhựa định hướng (dụng cụ kết nối dẫn đường catheter vào kim) * Tiệt trùng EO, không latex. * Tiêu chuẩn ISO 13485"	Bộ		100	365,000	36500000

143	TBYT114	Kim luân tĩnh mạch có cửa, có cánh	Vô trùng. Có cánh và cổng tiêm. Tiết trùng - Kim được làm bằng thép không gỉ, sắc, nhọn - Chất liệu Catheter bằng PTFE (Teflon), 3 vạch cản quang ẩn. Khả năng lưu catheter 72 - 96h. + Kim 16G,18G: 20G,22G, 24G,26G	Cái		25,000	2,850	71250000
144	TBYT115	Kim luân tĩnh mạch an toàn số 18	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Kim luân 18G có cánh, có cửa, tốc độ chảy 96ml/phút, Tốc độ chảy 5760 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm - Tiêu chuẩn CE (MDR -TUV), FDA	Cái		12,000	14,000	168000000
145	TBYT116	Kim luân tĩnh mạch an toàn số 22	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Kim luân 22G có cánh, có cửa, tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm - Tiêu chuẩn CE (MDR -TUV), FDA	Cái		2,000	14,000	28000000
146	TBYT117	Kim luân tĩnh mạch an toàn số 24	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Kim luân số 24G có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Tiêu chuẩn CE (MDR -TUV), FDA	Cái		17,000	14,000	238000000

147	TBYT118	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ có cửa, không cánh	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát. - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. - Kim có cổng bơm thuốc bổ xung. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Kim được cắt vát, sắc. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim tối đa đến 72h. Các cỡ: 24G , 22G , 20G , 18G ,16G, 14G - Tiêu chuẩn CE (MDR -TUV), FDA	Cái		15,000	8,000	120000000
148	TBYT119	Kim chọc dò và gây tê tủy sống số các cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G.	Kim: do mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương. Đốc kim trong suốt có phản quang, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống.Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Size / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89 ,27G 0,4 x 89	Cái		2,500	24,000	60000000
149	TBYT120	Kim chọc dò và gây tê tủy sống số các cỡ 18-27G	- Đầu vát hình dạng kim cương rất sắc nhọn cho phép lực đâm nhỏ, tối thiểu chấn thương và nguy cơ đau nhức đầu sau chọc. - Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Đốc kim vuông trong suốt, lăng kính phản quang cho phép phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, xác nhận chọc dò thành công. - Có điểm đánh dấu màu xanh trên chuôi giúp xác định vị trí mặt vát hướng lên hay hướng xuống - Kích thước: + Kim 18G: 1,27 x 89 + Kim 20G 0,9 x 89 + Kim 22G 0,7 x 89 + Kim 25G 0,5 x 89 + Kim 27G 0,4 x 89 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái		2,500	22,000	55000000

150	TBYT121	Kim nha khoa các số	Kim sắc nhọn. Cờ kim được phân biệt bằng màu sắc trên đốc kim. Cán kim dài dễ cầm khi chọc nhiều vùng ven khác nhau. Cờ kim: 27Gx13/16. đóng gói từng chiếc bằng vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn. Dùng trong nha khoa.	chiếc		1,000	2,300	2300000
151	TBYT122	Kim laser nội mạch	Kim laser nội mạch số 22 G; Kết hợp với kim luồn, dùng trong laser nội mạch. Đóng gói tiết trùng.	Cái		2,000	26,000	52000000
152	TBYT123	Kim cấy chỉ vô trùng các số	Kích cỡ: 0.7 x 63 mm (Màu đen); 0.8 x 63 mm (màu xanh lá); 0.9 x 63 mm (Màu vàng). Thân kim được làm từ thép y tế không rỉ X5CrNi18-9, lõi kim được làm từ sợi thép không rỉ 12Cr18Ni9. Giá lót lõi, giá đỡ kim, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE	Cái		1,500	16,300	24450000
153	TBYT124	Kim cấy chỉ vô trùng các số	Kích cỡ: 0.35 x 45 mm. Cán kim: được cuộn bằng sợi thép; Thân kim: được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, độ cứng thân kim đường kính 0.30 mm đốc kim đường kính 0.30 mm, vô trùng.	Cái		1,500	900	1350000
154	TBYT125	Kim châm cứu dạng vĩ, tay cầm bằng đồng các cỡ	Kim vĩ , cán đồng, có khuyên, thân kim sử dụng thép y tế chuyên dụng. Thân kim nhỏ, đầu kim sắc nhọn. Vô trùng dùng 1 lần - Kích thước : 0,30mmx13mm; 0,30mmx30mm; 0,30mmx50mm; 0,30mmx25mm; 0,30mmx40mm; 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,30mmx75mm.	Cái		900,000	410	369000000
155	TBYT126	Kim châm cứu dạng vĩ, tay cầm bằng thép không gỉ các cỡ	Kích cỡ: Đường kính thân kim: 0,16 mm ~ 0,45 mm; Độ dài thân kim : 13 mm ~ 75 mm. Quy cách: bao phim từng cây một vô trùng. Cán kim và thân kim châm cứu được chế tạo bằng thép không gỉ. .	Cái		600,000	390	234000000

156	TBYT127	Bộ dây truyền dịch (kim 1 cánh bướm các số)	- Dây dẫn chính dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có cổng tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch 15µm. - Kim 1 cánh bướm 22G - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR)	Bộ		200,000	3,100	620000000
157	TBYT128	Bộ dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm các số)	- Dây dẫn chính dài 1500mm-1550mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí có thiết kế màng lọc khuẩn 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch 15µm. - Kim 2 cánh bướm 23G - Tiệt trùng,	Bộ		200,000	4,400	880000000

158	TBYT129	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500\text{mm}$. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x4 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có chứng nhận tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu đối với thiết bị y tế (Regulation (EU) 2017/745 on Medical Devices - MDR)	Bộ	200,000	2,850	570000000
-----	---------	--	--	----	---------	-------	-----------

159	TBYT130	Dây truyền máu	Van khoá điều chỉnh. Bộ chỉnh giọt tron, muọt, có móc để treo dây, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh, đầu ghim vào túi máu khít, không rò rỉ; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Bồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, trong suốt dễ quan sát, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng, chống xoắn; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đường kính : ID 2.75 mm, OD 3.8 mm. Kim sắc, các cỡ 18Gx1-1/2"', 19G Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Bầu đếm giọt 2 ngăn hình trụ. Màng lọc siêu nhỏ ở bầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml. Chất liệu dây và bầu đếm giọt PVC không gây sốt, không chất cao su, không chứa DEHP, không độc hại, Non-Pyrogen Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	Cái		1,000	8,700	8700000
160	TBYT131	Dây truyền máu kim 18Gx1,5"	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Bầu nhỏ nhọt trong suốt. Tốc độ dòng chảy = 20 giọt/ml. . Bộ điều chỉnh lưu lượng. Dây làm bằng chất liệu PVC trong suốt độ dài 150 cm, không xoắn. Độ bền kéo theo đánh giá quan sát là 27N, giới hạn NLT 15N. Có đầu nối thông với bộ lọc micron và kim tiêm. Cỡ kim 1,2x40mm (18Gx1,5"). Vô trùng, sử dụng một lần và không chứa pyrogenic. Tiệt trùng	Cái		1,000	28,000	28000000

161	TBYT132	Găng kiểm tra các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): $\leq 10\text{mg/dm}^2$. Hàm lượng Protein dưới $200\text{ }\mu\text{g/dm}^2$. ISO 9001, ISO 13485, CE.	Đôi		200,000	1,250	250000000
162	TBYT133	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng các số	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,18mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: $83\pm 5\text{mm}$, Size 7: $89\pm 5\text{mm}$, Size 7 1/2: $95\pm 5\text{mm}$. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max $200\mu\text{g/dm}^2$, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V.ISO 9001, ISO 13485, CE.	Đôi		200,000	2,500	500000000
163	TBYT134	Găng tay khám	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M.	Đôi		200,000	1,250	250000000

164	TBYT135	Găng Tay Dài	Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên. Màu trắng tự nhiên của cao su. Có phủ bột chống dính. Mềm mại. Độ bền cao. Sử dụng một lần. Công dụng: Dùng trong khám bệnh sản phụ khoa, các ca bệnh bị nhiễm HIV tránh lây nhiễm a. Kích thước: - Bề dày: min 0,15mm - Chiều dài: 510 ± 10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 7 tương đương Size S: 89 ± 5 mm + Size 7.5 tương đương Size M: 95 ± 5mm + Size 8.0 tương đương size L: 100 ± 5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% c. Lỗ thủng: AQL 1.5	Đôi		100	16,500	1650000
165	TBYT136	Găng phẫu thuật tiết trùng các số	Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiết trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE.	Đôi		100,000	3,800	380000000

166	TBYT137	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷0,2mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm ² , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE.	Đôi		100,000	3,500	35000000
167	TBYT138	Túi Camera tiệt trùng	Nguyên liệu: được làm từ ống nylon, fi 18cm, màu trắng trong Kích thước fi 18x 230cm, có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cm x 14cm, có dây bằng cotton. Sản phẩm được tiệt trùng	Cái		2,000	5,200	10400000
168	TBYT139	Túi máu đơn 250ml	Bao gồm: Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần, trong túi có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1. Có 12 đoạn mã được in màu chìm trên ống dây lấy máu.	Túi		100	44,100	4410000
169	TBYT140	Túi máu đơn 250ml	Hệ thống túi máu dùng một lần bằng PVC, hàn liền khối, các góc được bo tròn: Có khả năng thu thập 250ml máu toàn phần. - Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA -1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C ±2 độ C - Kim lấy máu cỡ 16G - Kích thước túi chính: cao 133mm, chiều rộng bên trong 105mm - Dây lấy máu dài 950mm, đường kính trong 3,0mm, đường kính ngoài 4,5mm, có 13 đoạn mã số, mã số được in bằng laser. - Sức bền của túi: Túi chịu lực ly tâm 5000xg trong 10 phút, chịu áp lực 0,7kg/cm ² trong 10 phút, bền nhiệt độ trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C ± 2 độ C. - Có bao bì phụ: túi nhôm. Đạt tiêu chuẩn ISO	Túi		100	36,540	3654000

170	TBYT141	Lọ đựng bệnh phẩm nắp vàng vô trùng	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong, nắp màu vàng, có thìa lấy phân bên trong. Tiệt trùng Đóng gói: 01 cái/túi	Cái		35,000	1,920	67200000
171	TBYT142	Túi đựng nước tiểu	Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC, có khóa vận $\frac{3}{4}$ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vạch chia dung tích đều,	Túi		3,000	6,300	18900000
172	TBYT143	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Túi		3,000	4,650	13950000
173	TBYT144	Ống nghiệm nhựa lấy mẫu máu không chứa hoá chất	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp đỏ, có nhãn, mới 100%	Cái		100,000	553	55300000
174	TBYT145	Ống nghiệm lấy máu FELIXA (Ống lấy mẫu, nắp đỏ, có nhãn, ống PP, 4 mL, không tiệt trùng)	Ống nghiệm lấy mẫu FELIXA, nắp đỏ, có nhãn • Thân ống Polypropylene (PP), được phép sử dụng trong y tế, mới 100%, kích thước 12x75mm. • Nắp nhựa Polyethene (LDPE/HDPE), mới 100%, màu đỏ. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Cái		50,000	553	27641250

175	TBYT146	Chèn lưỡi nhựa	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng .	Cái	300	7,500	2250000
176	TBYT147	Canuyn mở khí quản	Được làm bằng nhựa PVC không độc. có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường cân quang chạy dọc chiều dài ống. Đầu cổ dài 240 cm. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5,0 đến 9,0.	Cái	100	72,000	7200000
177	TBYT148	Ống nội khí quản không bóng, các số	• Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. • Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. Không bóng • Đóng gói riêng lẻ từng túi Size: 3.0mm, 3.5mm, 4.0 mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm	Cái	1,500	14,500	21750000
178	TBYT149	Ống nội khí quản có bóng, các số	Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. • Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. Có bóng • Đóng gói riêng lẻ từng túi Size: 3.0 mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm, 6.5mm, 7.0mm, 7.5mm, 8.0mm, 8.5mm, 9.0mm.	Cái	5,000	11,500	57500000
179	TBYT150	Sonde foley 2 nhánh các số	Số 12 - 28. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon , thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng đối xứng, 2 nhánh, không có chất DEHP.	Cái	4,000	12,000	48000000
180	TBYT151	Sonde nelaton các số	Làm bằng cao su thiên nhiên, tráng silicon,	Cái	1,000	8,600	8600000
181	TBYT152	Ống thông dạ dày	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Cái	1,000	3,150	3150000
182	TBYT153	Dây hút dịch	Các số 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp.	Cái	3,000	2,620	7860000

183	TBYT154	Dây hút dịch sử dụng một lần	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014	Cái	3,000	2,650	7950000
184	TBYT155	Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	700	3,150	2205000
185	TBYT156	Dây dẫn lưu ổ bụng, chất liệu nhựa PVC	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo, có lỗ. Đường kính trong & ngoài ống khoảng 5mm hoặc 7mm, chiều dài $\geq$ 396mm . Được tiệt trùng	Cái	1,000	10,500	10500000
186	TBYT157	Dây thở oxy	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	Bộ	6,000	4,800	28800000

187	TBYT158	Dây thở oxy	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO	Cái		6,000	8,500	51000000
188	TBYT159	Chỉ Nylon số 10/0 sợi đơn	Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 10, có 2 kim Chỉ không tiêu AS -140-6 Đường kính 0.15mm Chiều dài 6.0mm 3/8 đường tròn 140° Chiều dài chỉ: 30cm Đạt tiêu chuẩn Châu Âu	Sợi		600	115,000	69000000
189	TBYT160	Chỉ Nylon số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		9,600	21,400	205440000
190	TBYT161	Chỉ Nylon số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép		500	22,000	11000000

191	TBYT162	Chỉ Nylon số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép		100	36,000	3600000
192	TBYT163	Chỉ Nylon số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		100	57,000	5700000
193	TBYT164	Chỉ Nylon số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		300	68,000	20400000
194	TBYT165	Chỉ phẫu thuật tan đa sợi số 0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin370 và 50% là Calcium Stearate số 0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS. Xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Sợi		480	111,000	53280000
195	TBYT166	Chỉ Polyglactin 910 số 1/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm,	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0 dài 90cm, kim tròn 1/2c, dài 40mm phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Sợi		8,600	105,000	903000000

196	TBYT167	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm,	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Sợi		960	95,000	91200000
197	TBYT168	Chỉ Polyglactin 910 số 3/0, dài 70cm-75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Sợi		5,200	85,500	444600000
198	TBYT169	Chỉ Polyglactin 910 số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Sợi		240	65,000	15600000
199	TBYT170	Chỉ Polyglactin 910 số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS. Xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Sợi		480	65,000	31200000
200	TBYT171	Chỉ Polyglactin 910 số 6/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS. Xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Sợi		480	190,000	91200000
201	TBYT172	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn RB-1 Plus bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 17 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Sợi		480	120,000	57600000

202	TBYT173	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 2, kim 40mm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2 dài 90 cm, kim tròn 40mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 6.35 kgf và lực tách kim chỉ 1.8 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	Sợi		480	45,000	21600000
203	TBYT174	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 3/0, dài 75 cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi polyglactin 370 và Calcium Stearate, số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, bằng thép có phủ silicone , dài 26mm 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	Sợi		3,600	45,000	162000000
204	TBYT175	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn RB-2 bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 13mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Tép		480	165,000	79200000
205	TBYT176	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH-2 Plus bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày .Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS	Tép		240	90,000	21600000

206	TBYT177	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 2/0, kim 26mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	Tép		480	95,000	45600000
207	TBYT178	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ polyglactin 370 & Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, có phủ silicone, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn FDA	Tép		4,800	48,000	230400000
208	TBYT179	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 3/0, dài 70cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi polyglactin 370 và Calcium Stearate, số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, bằng thép có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn FDA	Tép		1,600	45,000	72000000
209	TBYT180	Chỉ Chromic Catgut số 1	Dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn, sợi màu nâu đồng nhất, không đốm trắng, lực căng đứt ≥ 5.7 kgf Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		5,000	36,000	180000000
210	TBYT181	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1	Dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn, sợi màu nâu đồng nhất, không đốm trắng, lực căng đứt ≥ 5.7 kgf Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		2,000	25,000	50000000

211	TBYT182	Dao mổ Phaco 2.2mm - 3.2mm	Dao mổ dùng trong phẫu thuật phaco 2.2mm - 2.85mm -3.2mm - Kích cỡ lưỡi dao mổ: 2.2mm - 2.85mm - 3.2mm, 1 mặt vát, lưỡi bẻ góc, tuân thủ OSHA và CMS - Đóng gói tiệt trùng	Cái		50	210,000	10500000
212	TBYT183	Dao lạng mỏng	Dao lạng mỏng (Round tunnel), lưỡi làm bằng thép không rỉ, không gây chói; Tuân thủ OSHA và CMS; Kích thước 3.0mm, 2 mặt vát, lưỡi bẻ góc, tuân thủ OSHA và CMS - Đóng trong túi tiệt trùng vô khuẩn - Quy cách đóng gói: Hộp 6 chiếc - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái		30	240,000	7200000
213	TBYT184	Dao đường hầm	Dao đường hầm (Crescent Tunnel) - Kích thước đường mổ: 2,0mm, 1 mặt vát, lưỡi cong, tuân thủ OSHA và CMS	Cái		30	210,000	6300000
214	TBYT185	Dao chọc tiền phòng 15 độ	Dùng 1 lần trong phẫu thuật phaco; đóng gói vô trùng; Lưỡi làm bằng thép không rỉ; Tay cầm nhựa; Tạo độ mở rộng 15 độ, góc tạo độ sâu từ 3 - 5mm; 2 mặt vát; Mũi dao nhọn; tuân thủ OSHA và CMS, Đóng gói tiệt trùng	Cái		50	135,000	6750000
215	TBYT186	Dao mổ mỏng	Dao lạng mỏng 3.0mm (Round tunnel) Đóng gói tiệt trùng Dùng lạng mỏng, kích thước 3,0mm, 2 mặt vát, lưỡi bẻ góc, tuân thủ OSHA và CMS	Cái		30	240,000	7200000
216	TBYT187	Dao phẫu thuật nhãn khoa 15 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang. Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát.	Cái		30	110,000	3300000
217	TBYT188	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ các số . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái		10,000	910	9100000

218	TBYT189	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu có màu	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Hydrophilic Acrylic, màu vàng. Lọc tia UV - Thiết kế phi cầu mặt trước. Hai còng chữ C. Cạnh vuông và gờ 360 ° mặt sau kính ngăn tế bào đục bao sau. - Đường kính optic 6.0 mm, chiều dài kính 12.5mm. - Dây diop từ -20 D đến +60 D. - Kính được đính kèm cartridge và Injector qua vết mổ 2,2 mm. - Tiêu chuẩn ISO	Cái		100	3,000,000	300000000
219	TBYT195	Dịch nhầy phẫu thuật	Thành phần: Hydroxypropyl Methylcellulose Ophthalmic Solution UPS 2% Quy cách: 2ml/ lọ	Hộp		600	75,000	45000000
220	TBYT196	Chất nhầy phẫu thuật Phaco	Hydroxypropyl methyl cellulose: 2.4% Độ nhày: khoảng 6000-8000 mPas Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm / kg Trọng lượng phân tử: 0.1-0.18 mio. Daltons PH: 6.8-7.5 Thể tích: 2.0ml Tuổi thọ: 42 tháng Thành phẩm 1 ml: Hydroxypropyl methyl cellulose: 24.00 mg - Sodium Chloride: 6.40mg - Potassium Chloride: 0.75mg - Calcium Chloride 2H2O: 0.48mg - Magnesium Chloride: 6H2O 0.3mg - Sodium acetate 3H2O: 3.9mg - Sodium citrate 2H2O: 1.70mg	Trượt thấu		600	245,000	147000000
221	TBYT197	Đầu côn vàng 200ul	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sắc (có khía) - Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml).	Cái		150,000	42	6300000

222	TBYT198	Đầu côn xanh 1000ul	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tip sắc (có khía) - Thể tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml).	Cái		70,000	80	5600000
223	TBYT199	Đè lưỡi gỗ	Yêu cầu: chất liệu gỗ; kích thước 150mm x 20mm x 2mm. Tiết trùng	Cái		5,000	280	1400000
224	TBYT200	Đè lưỡi inox	Làm bằng chất liệu thép không gỉ	Cái		100	22,000	2200000
225	TBYT201	Điện cực tim	Hình dạng giống giọt nước, kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm2, vùng chất gen 401 mm2, vùng dán 616 mm2, vùng phân tử nhậy 78,5 mm2, độ dày sản phẩm 0,8 mm.	Cái		10,000	3,700	37000000
226	TBYT202	Điện cực tim	Miếng dán điện cực nền xốp tự dính dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor cho người lớn - Chất liệu: Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) từ da đến màn hình ECG. Nền xốp kháng nước. - Kích thước : 4x 3.3 cm	Cái		20,000	2,500	50000000
227	TBYT203	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh.	Cái		5,000	935	4675000
228	TBYT204	Mặt nạ thở oxy có túi khí dự trữ	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m.	Bộ		2,000	16,500	33000000
229	TBYT205	Mặt nạ thở oxy không túi khí dự trữ	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m.	Bộ		2,000	8,500	17000000
230	TBYT206	Mặt nạ xông khí dung	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây.	Bộ		50,000	14,300	715000000
231	TBYT207	Phim X- Quang nha khoa	Phim X quang nha khoa rửa nhanh, không cần buồng tối, sẵn dụng dịch rửa phim. Cho ra hình ảnh sắc nét sau 1 phút.	Tờ		25,000	8,400	210000000

232	TBYT208	Thủy tinh thể đơn tiêu mềm một mảnh, chiều dài: 11mm	Chất liệu: HydroSmart® Protect, hợp chất (copolymer) acrylates với bề mặt kỵ nước, lọc tia cực tím (UV) và ánh sáng tím (violet light). - Thiết kế : Một mảnh mềm bờ vuông mặt sau 360 độ liên tục. Kính (optic) 2 mặt lồi, phi cầu mặt sau. Góc càng (Haptic Angulation) 0 độ. - Cầu sai trung tính - Kích thước kính: 6.0mm - Chiều dài: 11 mm - Dải công suất: ±0.0D tới +35.0D (1.0D) +15.5D tới +26.5D (0.5D) - Chỉ số khúc xạ : 1.46 - Hằng số A: 118.0	Cái		100	3,000,000	300000000
233	TBYT209	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, dài 10,5mm-11mm, góc càng 10 độ	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm 2. Chất liệu Copolymers Hydrophilic Acrylic, ngâm nước 25% 3. Không màu, Có tính năng lọc tia cực tím (UV), 4. Thiết kế một mảnh, hai mặt lồi, bờ vuông 360 độ. Thiết kế 4 càng kép, hình cầu 5. Đường kính quang học (optic) 6mm, tổng chiều dài 10.5mm-11.0mm. 6. Chỉ số khúc xạ 1.46, góc càng 10 độ 7. Dải công suất kính từ -9.0D đến +30.0D. 8. Kèm cartridge và injector đặt thủy tinh thể 9. Đi qua được vết mổ 2.2mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485. Nước sản xuất thuộc G7	Cái		150	2,900,000	435000000
234	TBYT210	Casette dùng một lần	Băng cassette cho máy megaTRON S3 V/VIP/S4 HPS với bộ tưới, Đầu nối an toàn, túi thoát nước,vô trùng	Cái		30	3,100,000	93000000

235	TBYT211	Dụng cụ chụp đầu tay khoan phaco	Đầu Sleeve tương thích sử dụng cho máy Phaco Megatron S4 HPS. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	30	1,400,000	42000000
236	TBYT212	Sonde niệu quản chữ JJ	Chất liệu nhựa Polyurethan, tráng silicon, dài 26cm, 2 đầu mở hình chữ J, các cỡ từ số 5 đến số 8. Dùng dẫn lưu thận, niệu quản, bàng quang. Tiệt trùng.	Cái	500	310,000	155000000
237	TBYT213	Mask khí dung các số	Chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh cứng trong, không độc hại - Dây đeo đàn hồi, chiều dài dây nối 2m đến 2.1m, được tiệt trùng bằng khí EO - Không gây dị ứng và không gây tổn thương - Không chứa DEHP	Cái	50,000	15,000	750000000
238	TBYT214	Nẹp lòng máng 6 lỗ	Nẹp khóa lòng máng 1/3 dùng vít 3.5mm, chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày $\geq 1.8\text{mm}$, độ rộng 10mm. - Số lỗ từ 2 đến 12 lỗ, tương ứng với độ dài 28-148 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường - Dùng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm	Cái	480	3,667,000	1760160000
239	TBYT215	Nẹp lòng máng 7 lỗ	Nẹp khóa lòng máng 1/3 dùng vít 3.5mm, chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày $\geq 1.8\text{mm}$, độ rộng 10mm. - Số lỗ từ 2 đến 12 lỗ, tương ứng với độ dài 28-148 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường - Dùng vít khóa 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm	Cái	480	3,667,000	1760160000
240	TBYT216	Vít cứng 3.5mm dài 18 mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít 18 mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	Cái	4,800	260,000	1248000000

241	TBYT217	Vít cứng 3.5mm dài 20 mm	Chất liệu titanium hoặc tương đương, đường kính thân vít 3.5mm; chiều dài vít 20 mm, đầu bắt tuốc nơ vít trên mũ vít hình lục giác Đường kính mũ vít 6.0mm, chiều cao mũ vít 3.5mm	Cái	2,400	260,000	624000000
242	TBYT219	Chỉ thép đường kính 0.2mm	Chiều dài tương ứng: 1 mét / cuộn, được làm vật liệu: Thép không gỉ SS316L.	Cuộn	20	245,000	4900000
243	TBYT220	Chỉ thép số 5 kích thước 4x45cm	Chỉ thép số 5, 4X45cm, kim diamond 48mm 1/2 C, thép 316L. Hộp/2 tép/ 8 sợi. Tiêu chuẩn CE-châu âu.	Sợi	50	109,725	5486250
244	TBYT221	Chỉ thép số 5 kích thước 2x75cm	Chỉ thép Tektel số 5, 2X75cm, kim tam giác 55mm, 1/2 C. thép 316L. Tiêu chuẩn CE-châu âu.	Sợi	50	144,900	7245000
245	TBYT222	Chỉ thép số 7	Chỉ thép số 7, 2X75cm, kim tam giác 55mm, 1/2 C, thép 316L. Tiêu chuẩn CE-châu âu.	Sợi	50	144,900	7245000
246	TBYT223	Đinh Kirschner 1.5 mm	Đinh Kirschner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đinh có đường kính 1.5 mm. Chiều dài đinh với các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	240	54,000	12960000
247	TBYT224	Đinh Kirschner 1.8 mm	Đinh Kirschner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đinh có đường kính 1.8 mm. Chiều dài đinh với các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	240	50,000	12000000
248	TBYT225	Chỉ thị kiểm soát gói hơi nước	Chỉ thị hóa học cho hấp ướt. Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiết khuẩn có đạt không. Đo lường ba thông số của quá trình tiết khuẩn thời gian – nhiệt độ - áp suất hơi nước. Vạch màu dịch chuyển giúp dễ dàng nhận biết và kiểm chứng kết quả. Thành phần: giấy 75%, Salicylamide 2-3%, Polypropylene 4%, Nhôm: 8%. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA	Test	1,000	110,000	110000000

249	TBYT227	Băng dính chỉ thị nhiệt độ hấp ướt	Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu. Kích thước $\geq 24\text{mm} \times \geq 55\text{mm}$ -Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2% - Vạch chỉ thị sẽ chuyển màu sau khi qua tiệt khuẩn - Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132°C-134°C	Cuộn		200	146,000	29200000
250	TBYT228	Giấy thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế 1,5cm x 20cm	Chỉ thị hóa học Type 4 cho hấp ướt. Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiệt khuẩn có đạt không. Kích thước: 1,5 cm x 20 cm. Đo lường 2 thông số của quá trình tiệt khuẩn: thời gian – nhiệt độ. Vạch màu trắng sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua Tiệt khuẩn và màu chỉ thị sẽ duy trì trong vòng 6 tháng. Thành phần: giấy > 99%, Lead Carbonate Hydroxide: 0.5 - 0.9. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C-134°C. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA	Cái		4,800	3,400	16320000
251	TBYT229	Lam kính	Kích thước: 25,4 x76,2 mm Độ dày: 1,2 mm	Cái		10,000	295	2950000
252	TBYT230	Cáp điện tim sử dụng cho máy điện tim	Tương thích với máy điện tim của Nihon Kohden Có các chuẩn AHA và IEC Chất liệu: Cáp bằng TPU, chiều dài khoảng 2,5m Vật liệu: PVC, chống kéo giãn	Cái		10	1,680,000	16800000
253	TBYT232	Ống nghe 2 dây	Cấu hình của Ống nghe: - 01 bộ phận mặt nghe được thiết kế hình tròn - 01 Ống nghe hai tai làm bằng đồng, đầu ống nghe có bọc nút nhựa - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE của EU	Cái		20	273,000	5460000

254	TBYT233	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Sản xuất bằng nhựa PP. - KT: khoảng 265mm x 194mm x 68mm - Phần nắp: Gồm 2 mặt: + Mặt 1: Gồm có logo, tên hộp thuốc và sơ đồ chẩn đoán. + Mặt 2: Có sơ đồ chẩn đoán nằm đối xứng. - Phần thân hộp chia làm 1 ngăn lớn bên trái và 5 ngăn nhỏ bên phải	Hộp		30	280,000	8400000
255	TBYT234	Huyết áp điện tử	Màn hình hiển thị: Huyết áp tối đa, tối thiểu, nhịp tim, ngày, giờ đo. Có vạch báo tình trạng huyết áp sau khi đo và cảnh báo loạn nhịp tim - Bộ nhớ ≥ 60 lần đo cùng ngày giờ đo - Hoạt động bằng pin hoặc điện qua adapter kèm theo.	Bộ		30	1,500,000	45000000
256	TBYT235	Nhiệt kế thuỷ ngân	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể. Dải đo: 0-50°C.	Cái		1,200	23,000	27600000
257	TBYT236	Nhiệt kế hồng ngoại	Thiết kế để đo nhiệt độ con người ở khoảng cách 3-5 cm so với trán. Nhiệt kế đo nhiệt độ chỉ trong từ 1-2 giây, không tiếp xúc với người được đo.Tự động tắt nguồn sau 30 giây. Bảo hành 1 năm	Cái		10	310,000	3100000
258	TBYT237	Panh cong, không mẫu dài	Bảo giá Kích thước: 16cm, Chất liệu: Thép không gỉ Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485, ISO 9001, CE. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái		50	25,935	1296750
259	TBYT238	Phẫu tích có mẫu	Chất liệu: Làm bằng thép không gỉ, kích thước từ 15 cm - 20 cm. đầu có răng 1x2 răng	Cái		50	24,570	1228500
260	TBYT241	Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu	Giấy in nhiệt Quy cách dạng cuộn, Giấy khổ 80mm, đường kính 45mm	Cuộn		2,000	18,000	36000000
261	TBYT242	Dây dẫn lưu cao su	Yêu cầu: Màu đỏ, Đường kính 6	Kg		200	108,000	21600000
262	TBYT243	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng	Cái		15,000	750	11250000

263	TBYT244	Cốc nhỏ dùng để chứa mẫu.	Cốc đựng mẫu bệnh phẩm Nhựa trắng trong, không bị rò rỉ, chất liệu PVC.	Cái		5,000	346	1730000
264	TBYT245	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh pi 16 mm x 100 mm	Ống		200,000	1,600	320000000
265	TBYT246	Mũ giấy phẫu thuật vô trùng	Chất liệu vải không dệt polypropylene định lượng 15gr/m2±1gr/m2, mũ hình sâu tiết trùng đóng gói ≥1 cái/gói	Cái		40,000	860	34400000
266	TBYT247	Ambu Bóp bóng các loại	Bóp bóng chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương. Bộ gồm: Bóng bóp: 01 cái; Mặt nạ: 01 cái; Túi chứa khí: 01 cái; Dây nối oxy: 01 bộ; Bộ đường thông khí: 01 bộ. Dùng trong giúp thở cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh.	Cái		10	250,000	2500000
267	TBYT248	Kềm cá sấu gấp di vật	Ngàm dài, hàm cá sấu có răng chuột, vỏ cách điện, đường kính kênh làm việc 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm, độ mở 11.3mm	Cái		3	23,200,000	69600000
268	TBYT249	Kéo thẳng mũi tù	Chất liệu bằng thép không gỉ, kích thước 16cm	Cái		55	25,935	1426425
269	TBYT250	Panh cong, có máu	Kích thước: 12cm, Chất liệu: Thép không gỉ Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485, ISO 9001, CE. Năm sản xuất thiết bị: 2024 trở về sau. Mới 100%	Cái		100	24,570	2457000
270	TBYT251	Panh thẳng, có máu	Panh phẫu thuật chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, thẳng, có máu, dài ≥ 15cm	Cái		100	25,935	2593500
271	TBYT252	Panh thẳng, không máu	Panh phẫu thuật chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, thẳng, không máu, dài ≥ 15cm	Cái		130	25,935	3371550

272	TBYT253	Dụng cụ kiểm tra huyết áp	01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí gồm : 01 quả bóp có van xả khí, 02 ống dẫn khí, 01 bao hơi cao su - 01 dải băng cuộn tay - Lưu lượng bơm : 20 ~ 300 mmHg - Độ chính xác (sai số) : +/- 3mmHg Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE của EU	Bộ	120	360,000	43200000
273	TBYT254	Dụng cụ kiểm tra huyết áp và tai nghe	Huyết áp cơ, gồm một đồng hồ và túi hơi. Tai nghe một dây. Dùng để đo huyết áp ở bắp tay.	Bộ	100	750,750	75075000
274	TBYT255	Chỉ lạnh	100% bằng sợi cotton, sợi chỉ dai và bề mặt sáng bóng.	Cuộn	100	190,000	19000000
275	TBYT256	Lamen	Kích thước: 22x22 mm, đến 24x40mm	Cái	20,000	660	13200000
276	TBYT257	Que lấy bệnh phẩm (Cán gỗ)	Chiều liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas.	Cái/que	2,500	1,360	3400000
277	TBYT258	Dung dịch tẩy rửa enzyme cho quy trình tẩy rửa thủ công và bằng máy tự động trên dụng cụ y tế, phẫu thuật, nha khoa và dụng cụ nội soi (Thành phần chính: hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase)	Hỗn hợp 5 enzyme 1%-3% protease, 0.1%-0.5% lipase, 0.1%-0.5% amylase, 0.1%-0.5% mannanase, 0.1%-0.5% cellulase, Đạt tiêu chuẩn ISO 11930. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.8-7.3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau Chứng nhận CFS Châu Âu Xuất xứ : G7	Can	80	2,200,000	176000000
278	TBYT259	Dung dịch ngâm khử khuẩn và tiệt khuẩn lạnh dụng cụ	Glutaraldehyde $\geq 2,50\%$	Can	120	346,500	41580000

279	TBYT261	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	- Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - Ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu, giúp dụng cụ được khử khuẩn hiệu quả, hương bạc hà dễ chịu, át được mùi của dụng cụ bẩn, không gây ăn mòn dụng cụ - Đi sâu và làm sạch các vị trí khó tiếp cận như các khe ống nội soi, đồng thời làm sạch hiệu quả các chất béo và mỡ. - Đạt các tiêu chuẩn : EC, ISO, CFS Châu Âu - Tương thích với nhiều loại dụng cụ vật liệu phi kim loại như silicone, E® Cao su EPDM, PTFE, polyurethane, cao su viton và các vật liệu kim loại như thép không gỉ E® thép 304-2B, thép không gỉ 410, thép không gỉ 420 và nhôm anodized.	Can		60	2,500,000	150000000
280	TBYT262	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính Enzym	- Dung dịch Enzyme tính kiềm tẩy rửa dụng cụ y tế. Sử dụng được trong bồn ngâm, máy rửa khử khuẩn và máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion, có chứa Enzymes (protease) PH dung dịch: 10,4-10,8 (2-10ml/l, dựa vào nước khử ion, 20 độ C) Độ nhớt: <10 mPa s (dung dịch đặc, 20 °C)	Can		30	2,500,000	75000000

281	TBYT263	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme (thành phần chính: protease subtilisin 0,5%; Chai ≥ 1 lít).	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu, giúp dụng cụ được khử khuẩn hiệu quả, hương bạc hà dễ chịu, át được mùi của dụng cụ bẩn, không gây ăn mòn dụng cụ - Đi sâu và làm sạch các vị trí khó tiếp cận như các khe ống nội soi, đồng thời làm sạch hiệu quả các chất béo và mỡ. - Đạt các tiêu chuẩn : EC, ISO, CFS Châu Âu	Chai		80	700,000	56000000
282	TBYT264	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nhanh, (thành phần chính: ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%)	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày, Không gây ăn mòn dụng cụ, Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi. Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. Can $\geq 3,78$ lít	Can		80	1,100,000	88000000
283	TBYT265	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 17111 và EN 14563, EN 17126 Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Tương thích với ống nội soi hãng Olympus... Tiêu chuẩn CE, CFS Châu Âu	Can		50	1,100,000	55000000

284	TBYT266	Dung dịch diệt khuẩn phòng mô và buồng bệnh, (thành phần chính: 0,012% Ag)	Thành phần: Hàm lượng 0,012% Ag (trong đó 85 % bạc nano).	Can	Quy cách: Can 5 L	10	1,400,000	14000000
285	TBYT267	Dũa ống tủy	Chất liệu thép không gỉ.Có chiều dài 18,21,25,28,31mm các số 08,10,15,20,25,30,35,40... 140	Vi		30	105,000	3150000
286	TBYT268	Nong ống tủy	Nong dũa số 10-80	Vi		50	105,000	5250000
287	TBYT269	Que thử thai	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Kháng thể chuột kháng β hCG, IgG chuột, kháng thể chuột kháng ahCG, IgG dê kháng chuột. Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu, độ chính xác 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo bởi LH 300 mLU/ml, FSH 1000 mIU/ml, TSH 1000 mLU/ml. Dạng que	Test		300	3,600	1080000
288	TBYT270	Vật liệu hàn hệ thống ống tủy	làm từ nhựa cây gutta pechar, độ thuận khác nhau	cây		4,800	820	3936000
289	TBYT271	Xi măng trám răng	Vật liệu trám răng Glass ionomer cản quang	Hộp		5	1,560,000	7800000
290	TBYT272	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm Lọ $\geq$ 30ml	Lọ		6	120,000	720000
291	TBYT273	Đầu côn xanh 200ul	Đầu côn xanh dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thành trong không dính nước.	Cái		70,000	90	6300000
292	TBYT274	Bao cao su	Bao cao su. Chiều dài $\geq$ 170mm.	Cái		15,000	860	12900000
293	VTXN001	Test nhanh chẩn đoán chất gây nghiện 5 chân (AMP-THC-MOP-COD-HER) trong nước tiểu	Test nhanh định tính 5 chất gây nghiện trong nước tiểu (AMP-THC-MOP-COD-HER), Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2 CFS Châu Âu - Xuất xứ Châu Âu	Test		50,000	65,000	3250000000

294	VTXN002	Thuốc nhuộm bao (thành phần chính: trypan blue 0.06%)	Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, đường viền quanh vùng xé bao luôn rõ nét khi phẫu thuật, đóng gói trong lọ vô khuẩn, Dung tích 1 ml.	Lọ		20	120,000	2400000
295	VTXN003	Chất nhuộm bao	Thành phần: Trypan Blue Ophthalmic Solution 0.06% Quy cách: 1ml/ lọ	Lọ		20	120,000	2400000
296	VTXN004	Bộ hồng cầu mẫu	Hồng cầu sử dụng để phát hiện các kháng thể nhóm máu ABO ở trong huyết thanh/huyết tương người (định nhóm máu phương pháp hồng cầu mẫu).	Bộ		24	400,000	9600000
297	VTXN005	Test định lại nhóm máu ABO đầu giường trước khi truyền máu	- Sử dụng máu toàn phần - Kháng thể đơn dòng được đông khô, có màu khác nhau, gắn sẵn vào các vị trí tương ứng trên thẻ giấy. - Bảo quản ở nhiệt độ phòng. - Có phần ghi thông tin bệnh nhân, túi máu. - Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100% Thẻ 2 test, Hộp 50 thẻ	Test		200	19,000	3800000

298	VTXN006	Test covid19 biến thể	Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-Cov-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. Sử dụng các cặp kháng thể đơn dòng có độ nhạy và độ đặc hiệu cao đối với kháng nguyên SARS-CoV-2 (protein N và protein S) -Hoạt chất: cặp kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên SARS-CoV-2 (protein N), cặp kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên SARS-CoV-2 (protein S), kháng thể đề kháng IgG chuột -Ngưỡng phát hiện: 142 TCID 50/ml với vi rút SARS-CoV-2 nuôi cấy bất hoạt và 0.1ng/ML với kháng nguyên tái tổ hợp SARS-CoV-2. - Hiệu quả chẩn đoán đối với mẫu ngoáy dịch tỵ hầu khi so sánh với phương pháp RT-PCR: Độ nhạy tương quan: 96.30% Độ đặc hiệu tương quan: 99.75% Độ chính xác tương quan: 99.02% -Không phản ứng chéo với Influenza A H1N1 và H5N1 ở nồng độ $1,0 \times 10^5$ PFU/ml -Không bị gây nhiễu bởi thuốc ho và cảm Chloraseptic (Menthol/Benzocaine) 1,5mg/ mL và Phenol xịt đau họng Đạt chứng chỉ ISO 13485, CE Phân loại TTBYT: C	Test	100,000	32,000	3200000000
299	VTXN007	Thuốc nhuộm hồng cầu lưới (Brilliant Cresyl blue)	Thuốc thử đánh dấu hồng cầu lưới trong các mẫu máu đã được pha loãng nhằm xác định số lượng hồng cầu lưới. Sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động. Độ ổn định ≥ 60 ngày (sau mở nắp).	ml	1,000	9,135	9135000

300	VTXN008	Que thử đường huyết	Công nghệ: Cảm biến sinh học (biosensor) Men que thử: GOD Khoảng đo: 1.1-33.3 mmol/L (20-600mg/dL) Loại mẫu phẩm: Máu mao mạch (đầu ngón tay, gan bàn tay, trên cánh tay) Đối tượng sử dụng (HCT) 25-60% Lượng mẫu máu: 0,5µL Đơn vị đo: mmol/L(hoặc mg/dL) Điều kiện làm việc: 5~45°C Điều kiện bảo quản: 2~35°C Sử dụng tương thích với máy On-Call Plus của Bệnh viện.	Cái	4,000	5,200	20800000
301	VTXN009	Anti Human Globulin (Coombs)	Huyết thanh chẩn đoán Spectrum Anti-Human Globulin để phát hiện in- vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	100	270,000	27000000
302	VTXN010	Ống nghiệm chứa chất Natri Citrate	Ống nghiệm Sodium Citrate 3,8% kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	Ống	30,000	660	19800000

303	VTXN011	Ống nghiệm chống đông Tri-Na Citrate 3,8% 2ml	Ống nghiệm kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa y tế PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. -Thẻ tích lấy máu: 2ml - Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. - Dùng trong xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu - Nắp đậy ống nghiệm: nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá mới 100%. Nắp nhựa đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015, CE.	Ống	20,000	822	16440000
304	VTXN012	Ống nghiệm Serum hạt	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính, kích thước 12-13 x 75mm (dung tích tối đa 5ml), nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫu trên nhãn. Ống chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút Hóa chất: Blood clotting Activator (BCA) và hạt nhựa polystyren hình khối hoặc hình bi để các cục máu đông không bám vào thành ống giúp tách nhanh huyết thanh,	Cái	50,000	765	38250000
305	VTXN013	Ống nghiệm chứa chất chống đông EDTA K2, nắp nhựa	Ống nghiệm chứa chất K2 EDTA, nắp xanh dương. Thẻ tích chứa : 5ml Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75mm x 12mm Chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút. Nồng độ K2EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu Đạt tiêu chuẩn: ISO	Ống	400,000	680	272000000

306	VTXN014	Ống nghiệm chứa chất chống đông EDTA K2, nắp nhựa nút cao su butyl	Chất liệu: nhựa PET, kích thước 13 x 75mm (dung tích tối đa 5ml), mới 100% Nắp cao su bọc nhựa LDPE (nắp nhựa nút cao su butyl), Ống nghiệm chân không cho dung tích mẫu: 2ml. Có vạch định mức lấy mẫu trên nhãn Hóa chất: etylenđiaminetetra acid (EDTA-K2) nồng độ ở trong khoảng từ 1,2 mg - 2 mg (trung bình $1,7 \pm 0,2$ mg) EDTA trên 1 ml máu, được bơm dưới dạng hạt sương trên thành ống, để kháng đông cho thể tích máu: 2ml.	Cái	100,000	1,063	106300000
307	VTXN015	Ống nghiệm chứa chất chống đông EDTA K3	Ống nghiệm EDTA K3 kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	Ống	350,000	1,070	374500000
308	VTXN016	Ống nghiệm chứa chất Lithium Heparin, nắp nhựa nút cao su	Ống nghiệm chứa chất Lithium Heparin, nắp đen Thể tích chứa : 5ml Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75 mm x 12 mm Chịu lực ly tâm 6000 vòng/ phút. Nồng độ Lithium Heparin: >10 IU/mL máu Đạt tiêu chuẩn: ISO	Ống	200,000	1,560	312000000
309	VTXN017	Ống nghiệm chứa chất Lithium Heparin, nắp nhựa	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính, kích thước 12-13 x 75mm (cho dung tích tối đa 5ml), nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫu trên nhãn. Chịu lực ly tâm 6000 vòng/ phút. Nồng độ trong khoảng từ 0.1 mg - 0.2 mg Heparin lithium trên ml máu (15 ± 2.5 IU hoặc 10-30 USP/ml),	Cái	250,000	865	216250000

310	VTXN018	Thanh thử xét nghiệm định tính HBsAg (thành phần chính: Anti-HBs antibody A1; Anti-HBs antibody A2, Anti-HBs antibody B1; Anti-HBs antibody B2 ; Anti-HBs antibody B3 ; Kháng thể trên thanh kiểm soát)	- Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu 99,6%; Xét nghiệm có thể phát hiện nồng độ 0.1 IU/ml. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. - Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. - Hàm lượng: Anti-HBs antibody A1; Anti-HBs antibody A2, Anti-HBs antibody B1; Anti-HBs antibody B2 ; Anti-HBs antibody B3 ; Kháng thể trên thanh kiểm soát. - Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R. - Chứng chỉ xét nghiệm: WHO PQ	Test	20000	34,965	699300000
-----	---------	--	--	------	-------	--------	-----------

311	VTXN019	Test nhanh chẩn đoán HbsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100% (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: 100% (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%) - Thành phần: + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng ($0.026 \pm 0.008 \mu\text{g}$), - keo vàng - IgY gà ($0.032 \pm 0.009 \mu\text{g}$) + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs ($0.44 \pm 0.088 \mu\text{g}$) + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY ($0.48 \pm 0.096 \mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 μL; - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV. - Kit thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml	Test	25000	17,500	437500000
-----	---------	----------------------------	--	------	-------	--------	-----------

312	VTXN020	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV (thành phần chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100)HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.)	- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,75%. - Hàm lượng chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100)HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút - Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50µL - Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu	Test	20000	41,000	820000000
-----	---------	--	--	------	-------	--------	-----------

313	VTXN023	Test chẩn đoán viêm gan C bằng kỹ thuật màng và kháng nguyên kép	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR) - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng ($1,0\pm0,2\text{ }\mu\text{g}$), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) ($1,5\pm0,3\text{ }\mu\text{g}$), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người ($2,0\pm0,4\text{ }\mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: 10μl - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i>, EBV, HTLV, Ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, Chlamydia, HBsAg, Cúm, <i>Trypanosoma cruzi</i> I /II - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55\pm1^{\circ}\text{C}$	Test	8000	31,605	252840000
-----	---------	--	---	------	------	--------	-----------

314	VTXN024	Test nhanh chẩn đoán HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR) - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng ($1,0\pm0,2\text{ }\mu\text{g}$), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) ($1,5\pm0,3\text{ }\mu\text{g}$), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người ($2,0\pm0,4\text{ }\mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: 10μl - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i>, EBV, HTLV, Ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>, HBsAg, Cúm, <i>Trypanosoma cruzi</i> I /II - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ $55\pm1^{\circ}\text{C}$	Test	10000	32,000	320000000
-----	---------	--------------------------	--	------	-------	--------	-----------

315	VTXN025	Test nhanh chẩn đoán Hiv	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) ($0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}$); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) ($0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}$); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$). - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BYT hiện hành. - Được đánh giá bởi USAID, được ban	Test	25000	33,000	825000000
-----	---------	--------------------------	---	------	-------	--------	-----------

316	VTXN026	Test nhanh phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng vi rút giang mai	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Đóng gói bao gồm: Test thử, Dung dịch pha loãng, Pipet mao quản, Kim chích tiết trùng, Miếng bông thấm cotton để lấy mẫu máu chích đầu ngón tay. - Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA. - Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng - kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$); Vạch thử: Kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) ($0,7 \pm 0,14 \mu\text{g}$); vạch chứng: Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai	Test	1,000	23,000	23000000
-----	---------	---	---	------	-------	--------	----------

317	VTXN027	Test nhanh chẩn đoán giang mai	- Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA. - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai - Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II) - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Kit thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. - Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE - Được đánh giá bởi USAID. - Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi	Test	2,000	22,785	45570000
318	VTXN028	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 chai 100ml dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet , Lugol, Alcohol và Safranin.	Bộ	25	320,000	8000000
319	VTXN029	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml	Bộ	25	750,750	18768750

320	VTXN030	Anti A	Anti-A: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO	Lọ	Lọ 10ml.	100	81,000	8100000
321	VTXN031	Anti AB	Anti-AB: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A; Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	Lọ	Lọ 10ml.	100	81,000	8100000
322	VTXN032	Anti B	Anti-B: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	Lọ		100	81,000	8100000
323	VTXN033	Anti D	Anti-D (Rho): Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Thuốc thử Anti-D (Rho) là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO	Lọ	Lọ 10ml.	100	138,000	13800000

324	VTXN034	Test nhanh phát hiện 04 chất gây nghiện: Thuốc phiện, Ma túy tổng hợp, Ma túy đá, Bò đả (MOP-AMP-MET-THC) trong nước tiểu	Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, Kháng thể kháng THC, cộng hợp AMP-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA, cộng hợp THC-BSA 1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL::Ampicillin, 4-	Test	5,000	38,500	192500000
325	VTXN035	Test chẩn đoán nhanh vi khuẩn Helicobacter Pylori từ mẫu sinh thiết thực quản, dạ dày, tá tràng	Thành phần: Urea, Disodium hydrogen phosphate dihydrate, Potassium dihydrogen phosphate, Agar, Phenol red, nước. Dạng thạch	Test	10,000	13,500	135000000

326	VTXN036	Test nhanh vi khuẩn Helicobacter Pylori (Test Hp dạ dày)	Test nhanh vi khuẩn HP khô dạng giấy bảo quản ở nhiệt độ thường 18-30 độ C. Phát hiện vi khuẩn HP nhanh cho ra kết quả trong vòng 1-3 phút. (chú ý: nhiệt độ môi trường dưới 20 độ C, kết quả có thể kéo dài tới 5 phút) Độ nhạy $\geq 90\%$ Độ đặc hiệu cao, 100%. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Test		10,000	32,200	322000000
327	VTXN037	Test nhanh phát hiện kháng thể lao	Phát hiện nhanh phân biệt phức hợp M. tuberculosis và Mycobacterium khác - Thành phần: Vạch thử : Kháng thể đơn dòng chuột kháng MPT64 (0,320 $\pm$ 0,064 μ g), Vạch chứng: kháng thể dê kháng immunoglobulin G chuột (0,640 $\pm$ 0,128 μ g) - Giới hạn phát hiện: 6.90 X 10 ⁴ CFU/ml - Độ nhạy: 98.6%, Độ đặc hiệu: 100% so với phương pháp nuôi cấy phân lập - Thời gian trả kết quả: 15 phút - Không có phản ứng chéo với 152 vi khuẩn và 57 nhóm vi khuẩn mycobacteria không phải lao - Kít thử ổn định ít nhất 6 tháng khi để ở nhiệt độ 45 $\pm$ 1°C - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS EU - Hạn sử dụng: 18 tháng - Thể tích sử dụng: 100 μ l - Loại mẫu: Môi trường nuôi cấy rắn hoặc môi trường nuôi cấy lỏng	Test		5,000	82,000	410000000
328	VTXN038	Test nhanh phát hiện kháng nguyên sốt xuất huyết	Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần- Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue Ag(Ns1)Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.6%- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB....- Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test		2,000	51,000	102000000
329	VTXN039	Dung dịch Giemsa	Giemsa mẹ nhuộm tế bào máu	Chai	Chai 500ml	3	1,500,000	4500000

[illegible]